

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT KIỂM TRA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TLĐ ngày .../.../..... của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

#### 1. Thuận lợi, khó khăn

#### 2. Các văn bản, hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp

- Quyết định thành lập, quá trình chuyển đổi về mô hình doanh nghiệp.
- Giấy phép kinh doanh.
- Vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu.
- Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp
- Quy chế tổ chức, quản lý tài chính, quy chế tiền lương...
- Nội quy, quy chế nội bộ của doanh nghiệp ban hành và các quy định khác có liên quan doanh nghiệp đang áp dụng.

#### 3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, công tác lãnh đạo điều hành

#### 4. Ngành nghề kinh doanh

### II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| Số TT | Nội dung                                                                                    | Kế hoạch (ĐVN) | Thực hiện (ĐVN) | Tỷ lệ thực hiện kế hoạch(%) |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----------------------------|
| 1     | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (chi tiết theo từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh) |                |                 |                             |
| 1.1   | .....                                                                                       |                |                 |                             |
| 1.2   | .....                                                                                       |                |                 |                             |

|     |                                                                                |  |  |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| 1.3 | .....                                                                          |  |  |  |
| 1.4 | .....                                                                          |  |  |  |
| 1.5 | .....                                                                          |  |  |  |
| 1.6 | .....                                                                          |  |  |  |
| 1.7 | <i>Doanh thu khác</i>                                                          |  |  |  |
| 2   | Các khoản giảm trừ                                                             |  |  |  |
| 3   | Giá vốn hàng bán ( <i>chi tiết theo từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh</i> ) |  |  |  |
| 4   | Lợi nhuận gộp                                                                  |  |  |  |
| 5   | Doanh thu hoạt động tài chính                                                  |  |  |  |
| 6   | Chi phí tài chính                                                              |  |  |  |
| 7   | Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                   |  |  |  |
| 8   | Lợi nhuận thuần từ HĐKD                                                        |  |  |  |
| 9   | Thu nhập khác                                                                  |  |  |  |
| 10  | Chi phí khác                                                                   |  |  |  |
| 11  | Lợi nhuận khác                                                                 |  |  |  |
| 12  | Tổng lợi nhuận trước thuế                                                      |  |  |  |
| 13  | Chi phí thuế TNDN                                                              |  |  |  |
| 14  | Lợi nhuận sau thuế TNDN                                                        |  |  |  |
| 15  | Trích lập các quỹ                                                              |  |  |  |

- Kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh.

- Hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh.

### **III. VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ TỔNG LIÊN ĐOÀN**

**1. Thực hiện Nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.**

**2. Quản lý, mua sắm sử dụng tài sản, đất đai.**

- 3. Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.**
- 4. Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.**
- 5. Kế toán các khoản đầu tư tài chính dài hạn, ngắn hạn.**
- 6. Kế toán phải thu khách hàng ngắn hạn, dài hạn.**
- 7. Kế toán nợ ngắn hạn, dài hạn.**
- 8. Vốn chủ sở hữu.**
- 9. Phân phối lợi nhuận, quản lý sử dụng các quỹ.**

#### **IV. CÔNG TÁC KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- 1. Chứng từ kế toán, hạch toán, ghi sổ kế toán**
- 2. Báo cáo tài chính**

#### **V. VIỆC CHẤP HÀNH CÁC KIẾN NGHỊ CỦA CƠ QUAN THANH TRA, KIỂM TOÁN (nếu có)**

#### **VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**

- 1. Với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam**
- 2. Với Liên đoàn Lao động tỉnh/công đoàn ngành (nếu có)**

#### **\* ĐỀ NGHỊ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**

- Đơn vị được kiểm tra chuẩn bị báo cáo bằng văn bản ký, đóng dấu gửi Đoàn kiểm tra (có số liệu của niên độ kiểm tra, tự đánh giá các nội dung theo đề cương nêu trên); đồng thời gửi bản mềm qua địa chỉ email: ..... trước ít nhất 05 ngày làm việc.
- Đơn vị được kiểm tra chuẩn bị đầy đủ hồ sơ; báo cáo dự toán, quyết toán, chứng từ, sổ kế toán; biên bản, kết luận thanh tra, kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến công tác quản lý sử dụng tài chính, tài sản của đơn vị để cung cấp cho Đoàn kiểm tra
- Đối với các tài liệu, văn bản Đoàn kiểm tra yêu cầu y sao bản chính đề nghị đơn vị ký và đóng dấu cung cấp cho Đoàn kiểm tra.